

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày 25/01/2022

“V/v tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Hoàng Hồ**

2. Ông **Phạm Hoàng Kiệt**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Tú Nguyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Tôn Minh Nhật**-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2019/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp họ*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:36/2021/QĐXX-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Các đồng nguyên đơn:

- Vợ chồng bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1969 và ông **Võ Văn S** (tên gọi khác Út R), sinh năm 1964. (Có mặt)

- Vợ chồng chị **Trương Thị Hồng H** (tên gọi khác H), sinh năm 1987 và anh **Nguyễn Vũ T**, sinh năm 1987 (chị H có mặt, anh T vắng mặt)

- Vợ chồng ông **Đặng Văn H**, sinh năm 1965 và bà **Lê Thị Minh K**, sinh năm 1975. (Có mặt)

- Chị **Trương Thị Hồng N**, sinh năm 1983. (Có mặt)

- Chị **Nguyễn Thị A**, sinh năm 1976. (Có mặt)
- Chị **Đặng Thị H**, sinh năm 1975. (Có mặt)
- Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1971. (Có mặt)
- Chị **Trương Kim T**, sinh năm 1974. (Có mặt)
- Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1990. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Nguyễn Phước H**, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã ĐH, huyện AM, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1961 và bà **Dương Thị Ng**, sinh năm 1967.

(Vợ chồng ông D, bà Ng ủy quyền cho chị Nguyễn Ngọc N tham gia giải quyết vụ án theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2019)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Nguyễn Ngọc N**, sinh năm 1991. (con ông D, vắng mặt)
- Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1963. (Vắng mặt)
- Chị **Trương Thị Hồng D**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)
- Ông **Lâm Văn H**, sinh năm 1967. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp K, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

- Chị **Nguyễn Thị K**, sinh năm 1990.
- Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

(Chị K và anh T ủy quyền cho ông Nguyễn Phước H tham gia giải quyết vụ án theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2019)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Vợ chồng ông bà có tham gia 07 dây hụi do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi mở ngày 16/6/2017 âm lịch, hụi 3.000.000đ/phần, có 25 phần, xỏ hụi vào ngày 16 hàng tháng, đến ngày 16/7/2019 âm lịch mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần góp được 20 lần bằng số tiền 60.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền hụi mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 17/10/2017 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng/phần, có 30 phần, xổ hụi vào ngày 17 hàng tháng, đến ngày 17/4/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần góp được 16 lần bằng số tiền 16.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 30/11/2017 âm lịch, hụi 2.000.000đ/phần, có 28 phần, xổ hụi vào ngày 30 hàng tháng, đến ngày 30/3/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần góp được 16 lần bằng số tiền 32.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 06/01/2018 âm lịch, hụi 2.000.000đ/phần, có 25 phần, xổ hụi vào ngày 06 hàng tháng, đến ngày 06/02/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 02 phần góp được 14 lần bằng số tiền 56.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 20/02/2018 âm lịch, hụi 2.000.000đ/phần, có 29 phần, xổ hụi vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 20/7/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần góp được 12 lần bằng số tiền 24.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 08/8/2018 âm lịch, hụi 2.000.000đ/phần, có 20 phần, xổ hụi vào ngày 06 hàng tháng, đến ngày 08/4/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 02 phần góp được 07 lần bằng số tiền 28.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền mà vợ chồng ông bà đã góp.

- Dây hụi mở ngày 15/11/2016 âm lịch, hụi 1.000.000đ/phần, có 27 phần, xổ hụi vào ngày 15 hàng tháng, đến ngày 15/01/2019 mãn hụi. Ông D còn nợ vợ chồng ông, bà 15.000.000đ tiền hụi.

Vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng trả số tiền của 07 dây hụi là 231.000.000đ (Hai trăm ba mươi một triệu đồng).

Tại phiên hòa giải bà H, ông S xác định ông D, bà Ng có trách nhiệm trả nợ và đồng ý giảm cho ông D, bà Ng 31.000.000đ, số tiền còn lại yêu cầu ông D, bà Ng thanh toán là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng)

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Vợ chồng anh chị có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ cụ thể như sau:

- Ngày 15 tháng 11 năm 2016, vợ chồng anh, chị có tham gia 02 phần hội giá 1.000.000đ/phần, gồm có 28 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 15 hàng tháng; đến ngày 15/12/2018 thì mãn hội với số tiền hội được hốt 26.500.000đ nhưng ông D, bà Ng mới giao cho anh, chị được 21.000.000 đồng còn lại 5.500.000đ.

- Ngày 10 tháng 02 năm 2017, vợ chồng anh, chị có tham gia 02 phần hội, giá hội 1.000.000đ/phần, gồm có 28 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 10/6/2019 thì mãn hội vợ chồng anh, chị là người hốt sau cùng được số tiền là 49.000.000đ nhưng ông D, bà Ng không chung tiền.

- Ngày 30 tháng 11 năm 2017, vợ chồng anh, chị có tham gia 01 phần hội giá hội 2.000.000đ/phần, gồm có 29 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 30 hàng tháng; đến ngày 30/5/2019 thì mãn hội. Trong quá trình chơi hội vợ chồng anh, chị có đóng hội đến ngày 20/01/2019 được 15 lần thì vợ chồng ông D tuyên bố đình hội nhưng không trả lại tiền hội chết cho vợ chồng anh, chị.

- Ngày 25 tháng 02 năm 2018, vợ chồng anh, chị có tham gia 01 phần hội giá hội 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 25/8/2020 thì mãn hội. Trong quá trình chơi hội vợ chồng anh, chị có đóng hội đến ngày 20/01/2019 được 12 lần thì vợ chồng ông D tuyên bố đình hội nhưng không trả lại tiền hội cho vợ chồng anh, chị.

- Ngày 17 tháng 10 năm 2017, vợ chồng anh, chị có tham gia 02 phần hội 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 17/3/2020 thì mãn hội. Trong quá trình chơi hội vợ chồng anh, chị có đóng hội đến ngày 17/02/2018 được 16 lần thì vợ chồng ông D tuyên bố đình hội nhưng không trả lại tiền hội chết cho vợ chồng anh, chị.

Tổng số tiền hội mà vợ chồng ông D, bà Ng còn nợ vợ chồng anh, chị là 128.500.000đ. Vợ chồng chị H, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả số tiền nợ hội là 128.500.000đ. (Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng)

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K tham gia 04 dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 10/02/2017, hội 1.000.000đ/phần, có 30 phần, xổ hội vào ngày 10 hàng tháng, đến ngày 10/6/2019 mãn hội. Vợ chồng ông, bà tham gia 01

phần, góp hụi được 26 lần bằng số tiền 26.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền đã góp cho vợ chồng ông, bà.

- Dây hụi mở ngày 16/6/2017, hụi 3.000.000đ/phần, có 25 phần, xổ hụi vào ngày 16 hàng tháng, đến ngày 16/7/2019 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà góp được 20 lần bằng số tiền 60.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền đã góp cho vợ chồng ông, bà.

- Dây hụi mở ngày 20/02/2018, hụi 2.000.000đ/phần, có 28 phần, xổ hụi vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 20/5/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần, góp hụi được 12 lần bằng số tiền 24.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền đã góp cho vợ chồng ông, bà.

- Dây hụi mở ngày 05/6/2018, hụi 1.000.000đ/phần, có 25 phần, xổ hụi vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 05/7/2020 mãn hụi. Vợ chồng ông, bà tham gia 01 phần góp hụi được 09 lần bằng số tiền 9.000.000đ thì ông D đình hụi nhưng không trả số tiền đã góp cho vợ chồng ông, bà.

Tổng số tiền hụi mà ông D bà Ng còn nợ vợ chồng ông H, bà K là 119.000.000đ. Ông H, bà K yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà Ng trả cho ông, bà số tiền hụi còn nợ là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu đồng)

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Thị Hồng N trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị N có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ cụ thể như sau:

- Ngày 25 tháng 02 năm 2018, chị có tham gia 02 phần hụi giá 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hụi, hụi xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 25/8/2010 thì mãn hụi. Trong quá trình chơi hụi chị đóng hụi đến ngày 25/01/2019 được 12 lần thì vợ chồng ông D, bà Ng tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi chết cho chị với số tiền là 24.000.000đ

- Ngày 25 tháng 02 năm 2018, chị có tham gia 03 phần hụi 2.000.000đ/phần, gồm có 23 phần; hụi xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 25/01/2010 thì mãn hụi. Trong quá trình chơi chị có đóng hụi đến ngày 25/01/2019 được 12 lần thì vợ chồng ông D, bà Ng tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi chết cho chị.

Trong đó ngày 25/8/2018, chị kêu và trúng hụi, hốt được 01 phần hụi vợ chồng ông D, bà Ng chung tiền đầy đủ cho chị, **chị N** còn nợ lại 11 lần hụi chết số tiền 22.000.000đ trong 01 phần hụi. Chị yêu cầu trong dây hụi này ông D, bà Ng phải trả lại

tiền hội chết của 02 phần hội chưa hót là 48.000.000đ và đồng ý khấu trừ số tiền hội chết là 22.000.000đ còn lại là 26.000.000đ, ông D, bà Ng phải trả cho chị.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả số tiền hội là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng)

Trong 05 phần hội trên cá nhân chị đứng tên tham gia 03 phần, còn hai phần chị tham gia nhưng lấy tên của mẹ là Nguyễn Thị D 01 phần và em gái Trương Thị Hồng D đứng tên giữ 01 phần.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà Ng yêu cầu giải quyết buộc ông D bà Ng trả số tiền hội còn nợ là 48.000.000đ, lý do là cị đồng ý trừ tiền thảo (tiền hoa hồng) với số tiền là 2.000.000đ

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị tham gia chơi hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng làm chủ, cụ thể như sau: Dây hội mở ngày 20/02/2018, hội 2.000.000đ/phần, có 24 phần, xổ hội vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 20/01/2020 mãn hội.

Chị tham gia 02 phần hội và góp hội được 12 lần thì ông D tuyên bố đình hội, nhưng không trả số tiền hội đã góp cho chị.

Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng trả số tiền hội 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Đặng Thị H trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị Đặng Thị H tham gia 06 dây hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 16/6/2017, hội 3.000.000đ/phần, có 25 phần, xổ hội vào ngày 16 hàng tháng, đến ngày 16/7/2019 mãn hội. Đến ngày 16/02/2018, chị kêu và trúng hội số tiền 60.000.000đ nhưng ông D và bà Ng không giao tiền.

- Dây hội mở ngày 17/10/2017, hội 1.000.000đ/phần, có 30 phần, xổ hội vào ngày 17 hàng tháng, đến ngày 17/4/2020 mãn hội. Chị tham gia 02 phần góp được 16 lần bằng số tiền 32.000.000đ thì ông D đình hội nhưng không trả số tiền đã góp cho chị.

- Dây hội mở ngày 19/11/2017, hội 1.000.000đ/phần, có 24 phần, xổ hội vào ngày 19 hàng tháng, đến ngày 19/11/2019 mãn hội. Chị tham gia 01 phần góp được

16 lần, phần hội này chị kêu và được lĩnh hội, phần hội này ông D giao tiền hội được hốt không đủ và còn nợ lại số tiền là 10.000.000đ.

- Dây hội mở ngày 20/02/2018, hội 2.000.000đ/phần, có 24 phần, xổ hội vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 20/5/2020 mãn hội. Chị tham gia 01 phần góp được 12 lần bằng số tiền 24.000.000đ thì ông D đình hội nhưng không trả số tiền đã góp cho chị.

- Dây hội mở ngày 06/01/2018, hội 2.000.000 /phần, có 25 phần, xổ hội vào ngày 06 hàng tháng, đến ngày 06/02/2020 mãn hội. Chị tham gia 01 phần góp được 14 lần bằng số tiền 28.000.000đ thì ông D đình hội nhưng không trả số tiền đã góp cho chị.

- Dây hội mở ngày 25/02/2018, hội 2.000.000 đồng/phần, có 23 phần, xổ hội vào ngày 25 hàng tháng, đến ngày 25/01/2020 mãn hội. Chị tham gia 02 phần góp được 12 lần bằng số tiền 48.000.000đ thì ông D đình hội nhưng không trả số tiền đã góp cho chị.

Như vậy, tổng số tiền hội trong 06 dây hội trên, vợ chồng ông D, bà Ng còn nợ chị là 202.000.000đ. Chị Đặng Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng trả số tiền hội còn nợ là 202.000.000đ (Hai trăm lẻ hai triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị có tham gia chơi hội do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ cụ thể như sau:

- Ngày 17 tháng 10 năm 2017, chị có tham gia 01 phần hội giá 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 17 hàng tháng; đến ngày 17/3/2020 thì mãn hội. Đến ngày 17/02/2019 chị đóng được 16 lần thì ông D đình hội nhưng không trả tiền cho chị.

- Ngày 20 tháng 02 năm 2018, chị có tham gia 01 phần hội do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ dây hội 2.000.000đ/phần, gồm có 28 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 20 hàng tháng; đến ngày 20/5/2020 thì mãn hội. Đến ngày 20/01/2019 chị đóng được 12 lần thì ông D, bà Ng đình hội nhưng không trả tiền cho chị.

- Ngày 25 tháng 02 năm 2018, chị tham gia 01 phần hội giá hội 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 25/8/2020 thì mãn hội. Dây hội này chị đã đóng được 12 lần thì ông D, bà Ng đình hội nhưng không trả tiền cho chị.

Tổng số hội trong 03 dây hội trên là 52.000.000đ ông D, bà Ng còn nợ chị. Nay chị H1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả số tiền hội còn nợ là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trương Kim T trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Chị T có tham gia chơi hội do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ cụ thể như sau:

- Ngày 25 tháng 02 năm 2018, chị tham gia 02 phần hội giá 2.000.000đ/phần, gồm có 22 phần hội, hội xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 25/01/2020 thì mãn hội. Đến ngày 25/12/2018, chị kêu hội và trúng hội được số tiền 34.800.000đ nhưng chủ hội mới giao cho chị được số tiền là 5.000.000đ; còn lại 29.800.000đ thì không giao đủ cho chị. Còn phần hội sống chị đã đóng được 12 lần với số tiền là 24.000.000đ thì ông D, bà Ng đình hội nhưng không trả số tiền hội đã góp cho chị. Như vậy, tổng số tiền hội trong dây hội này vợ chồng ông D, bà Ng còn nợ chị là 53.800.000đ chưa trả.

Ngoài ra, chị còn có tham gia 02 phần hội không nhớ ngày tháng năm nào, giá 3.000.000đ/phần, 02 phần hội này chị đã hết rồi, còn nợ lại 03 lần hội chết của 02 phần hội là 18.000.000 đồng. Theo đơn khởi kiện, chị yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông D, bà Ng trả số tiền nợ là 53.800.000đ

Tại phiên hòa giải, chị đồng ý khấu trừ số tiền hội mà chị còn nợ ông D, bà Ng trong các dây hội khác với số tiền là 36.000.000đ. Chị yêu cầu ông D, bà Ng phải trả số tiền là 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng)

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn P trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Anh tham gia chơi hội do vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội mở ngày 25/02/2018, hội 2.000.000đ/phần, có 22 phần, xổ hội vào ngày 20 hàng tháng, đến ngày 25/8/2020 mãn hội. Anh tham gia 02 phần góp hội được 13 lần bằng số tiền 52.000.000đ thì ông D tuyên bố đình hội nhưng không trả số tiền hội đã góp cho anh.

- Dây hội mở ngày 25/02/2018, hội 1.000.000đ/phần, có 30 phần, xổ hội vào ngày 25 hàng tháng, đến ngày 25/8/2020 mãn hội. Anh tham gia 02 phần góp được 13 lần bằng số tiền 26.000.000 đồng thì ông D đình hội nhưng không trả số tiền hội đã góp cho anh.

Ngoài ra năm 2016, anh có tham gia 03 dây hụi do ông D, bà Ng làm chủ hụi, các dây hụi này đã mãn, số tiền anh P được lĩnh là 72.000.000 đồng nhưng ông D chỉ giao cho anh được số tiền là 45.000.000đ còn nợ lại là 27.000.000đ.

Như vậy, tổng số tiền hụi vợ chồng ông D, bà Ng còn nợ anh là 105.000.000đ nhưng không trả.

Anh khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng trả số tiền hụi 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Phước H trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau:

Ông Hồng có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ cụ thể như sau:

- Ngày 17 tháng 10 năm 2017, ông tham gia 02 phần giá hụi 1.000.000đ/phần, gồm có 30 phần hụi, hụi xổ mỗi tháng một lần vào ngày 25 hàng tháng; đến ngày 17/6/2020 thì mãn hụi. Trong quá trình chơi hụi ông đóng hụi được 17 lần thì vợ chồng ông D tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi chết cho ông.

- Ngày 30 tháng 11 năm 2017, ông tham gia 01 phần hụi giá hụi 2.000.000đ/phần, gồm có 28 hụi phần, hụi xổ mỗi tháng một lần vào ngày 30 hàng tháng; đến ngày 30/3/2020 thì mãn hụi. Trong quá trình chơi hụi ông đóng hụi được 16 lần thì vợ chồng ông D, bà Ng tuyên bố đình hụi nhưng không trả lại tiền hụi chết cho ông.

Tổng số tiền hụi trong 02 dây hụi trên, vợ chồng ông D, bà Ng nợ ông là 66.000.000đ. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả số tiền là 66.000.000 đồng, không yêu cầu chị N chịu trách nhiệm trả tiền hụi.

Ông xác định ông là người trực tiếp tham gia chơi hụi với vợ chồng ông D bà Ng nhưng khi xảy ra tranh chấp thì mới phát hiện giấy chơi hụi ghi tên của thông gia ông là ông Lâm Văn H, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Ấp K, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Khi góp hụi hàng tháng thì ông gửi tiền cho con gái Nguyễn Thị K và con rể Nguyễn Văn T góp hàng tháng đóng cho vợ chồng ông Dũng, bà Ng; do con ông D là Nguyễn Ngọc N nhận tiền. Ông không có trực tiếp giao tiền cho ông D, bà Ng lần nào. Khi đóng hụi được 02 lần thì mới nhận được danh sách hụi thấy đề tên ông H nhưng ông cũng không có ý kiến gì.

Bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn D và bà Dương Thị Ng trình bày: Con gái của ông, bà tên là Nguyễn Ngọc N sống chung cùng ông bà, trong thời gian chung sống Nguyễn Ngọc N có làm chủ các dây hụi, hiện nay do một số hụi viên hốt hụi rồi

bỏ địa phương không đóng hụi lại nên Nguyễn Ngọc N đã đình hụi. Vợ chồng ông, bà không có trực tiếp làm chủ hụi cũng không có thu tiền hụi của các hụi viên. Việc làm chủ hụi và thu tiền các hụi viên do con gái ông bà là Nguyễn Ngọc N trực tiếp thỏa thuận giao dịch với các hụi viên. Tuy con gái ông bà sống chung nhà với ông bà nhưng hiện nay con gái ông, bà đã trưởng thành có trách nhiệm thỏa thuận, tính toán với các hụi viên, vợ chồng ông, bà không làm chủ hụi nên không nắm chính xác nội dung như thế nào. Vợ chồng ông, bà không có trách nhiệm đối với các khoản nợ hụi này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Ngọc N trình bày:

Chị xác định các dây hụi do các nguyên đơn khởi kiện là chị trực tiếp làm chủ và gom hụi, chung hụi cho các hụi viên. Cha mẹ của chị là ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng chỉ đứng tên trên giấy tờ chứ không có liên quan gì trong việc tham gia chơi hụi này.

Về số tiền nợ hụi chị thừa nhận và đề nghị được trả dần cho các nguyên đơn gồm: Nợ vợ chồng ông Sấm, bà Hường số tiền là 231.000.000đ; nợ vợ chồng chị H, anh T là 128.000.000đ; nợ vợ chồng ông H, bà K số tiền là 119.000.000đ; nợ chị Ảnh số tiền là 48.000.000đ; nợ chị Hiền số tiền là 202.000.000đ; nợ chị H1 số tiền là 52.000.000đ; nợ anh P số tiền là 105.000.000đ.

Đối với số tiền nợ hụi theo nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Phước H thì chị xác định về số tiền hụi được hốt là 66.000.000đ đúng như ông Hồng yêu cầu nhưng trong dây hụi này người tham gia chơi hụi trong sổ hụi là ông Lam Văn H nên chị chỉ đồng ý trả nợ cho ông Lâm Văn H.

Đối với số tiền nợ hụi theo nội dung khởi kiện của chị Trương Thị Hồng N: Chị N chỉ thống nhất một phần với lời trình bày của chị N đối với dây hụi ngày 25 tháng 02 năm 2018, chị N chơi với chị D (em gái chị N) 01 phần hụi và 01 phần chơi với mẹ của chị N bà (Hai T). Riêng chị N tham gia hai phần, hiện chị N đã hốt 01 phần, còn lại một phần hụi sống.

Chị N cho rằng đến nay chỉ còn nợ lại chị N số tiền 12.000.000đ. Chị N chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho chị N số tiền 12.000.000đ nhưng xin được trả dần mỗi tháng 03 triệu cho đến khi dứt nợ. Còn phần mẹ và em gái của chị N chưa khởi kiện nên chưa trả.

Đối với Đối với số tiền nợ hụi theo nội dung khởi kiện của chị Trương Thị Tiên: Chị N thống nhất các dây hụi và số lần góp hụi như chị T đã trình bày. Tuy

nhiên, chị T còn tham gia 02 phần hui mỗi phần 3.000.000đ, hiện chị T đã hót rồi, còn nợ lại 05 lần hui chét chưa góp cho chị N là 30.000.000đ. Chị N xác nhận số tiền chị N thiếu chị T hiện nay là 9.000.000đ. Do hoàn cảnh khó khăn chị N đồng ý mỗi tháng trả cho chị T mỗi tháng 2.000.000đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà xác định việc tham gia chơi hui là vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ thì bà chỉ đứng tên trên sổ hui giùm cho con gái là Trương Thị Hồng N, số tiền đóng hui là do chị N con gái bà đóng chứ không phải tiền của bà. Trường hợp, Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả tiền hui thì bà yêu cầu trả lại cho con gái bà là Trương Thị Hồng N, bà không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị Hồng N trình bày: Chị xác định việc tham gia chơi hui là vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ thì chị chỉ đứng tên trên sổ hui giùm cho chị gái là Trương Thị Hồng N, số tiền đóng hui là do chị của mình đưa đóng chứ không phải tiền của chị. Trường hợp, Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả tiền hui thì bà yêu cầu trả lại cho con gái bà là Trương Thị Hồng N, chị không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lâm Văn H trình bày: Ông xác nhận chị N chỉ ghi tên ông vô trong danh sách chơi hui, chứ mọi việc tham gia chơi hui là do thông gia của ông là Nguyễn Phước H trực tiếp tham gia không có liên quan gì đến ông. Ông H cũng không có đưa tiền gì để đóng hui.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị K trình bày: Chị xác định việc tham gia chơi hui do vợ chồng ông D, bà Ng làm chủ là do cha chị là ông Nguyễn Phước H tham gia, chứ không liên quan gì đến chị. Do cha chị sinh sống tại huyện An Minh nên khi đóng tiền hui cha chị gửi tiền cho chị đóng hui cho ông D, bà Ng nhưng khi gom hui thì chị N đi gom hui giùm cho chị mẹ nên chị đóng tiền hui cho chị N. Chị xác định số tiền đóng các dây hui này là do ông Nguyễn Phước H đưa tiền cho chị đóng chứ không phải tiền của chị. Trường hợp, Tòa án giải quyết buộc ông D, bà Ng trả tiền hui thì chị yêu cầu trả lại cho cha chị là ông Nguyễn Phước H, chị không yêu cầu giải quyết gì trong vụ án này.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T: Đã ủy quyền cho ông Nguyễn Phước H tham gia giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày gì.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung khởi kiện trước đây. Riêng vợ chồng ông Sấm, bà Hương không đồng ý bớt số tiền 31.000.000đ cho vợ chồng ông D, bà Ng vì cho rằng vợ chồng ông D, bà Ng không có thiện chí trả nợ nên ông bà yêu cầu giải quyết buộc phải trả số tiền là 231.000.000đ

Chị Trương Thị Hồng N xác định lại số tiền hui vợ chồng ông D, bà Ngợ là 42.000.000đ và yêu cầu trả 42.000.000đ.

Chị Trương Kim T yêu cầu ông D, bà Ng trả số tiền hui là 9.000.000đ theo như sự thừa nhận của chị Nguyễn Ngọc N.

- Về trách nhiệm trả nợ: các nguyên đơn đều xác nhận là trong quá trình tham gia chơi hui thì có đóng tiền hui cho Nguyễn Ngọc N là con của ông D, bà Ng nhận thay ông D, bà Ng nên yêu cầu xem xét buộc vợ chồng ông D, bà Ng và Nguyễn Ngọc N cùng có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hui trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N liên đới có trách nhiệm trả số tiền nợ hui theo yêu cầu của các nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn, thì đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui, các giao dịch này thực hiện từ năm 2017 cho đến nay nên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

Các nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N liên đới trả lại số tiền còn nợ từ việc tham gia

chơi hụi, cụ thể: Trả cho vợ chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền là 231.000.000đ; trả cho vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T số tiền là 128.500.000đ; trả cho vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K số tiền là 119.000.000đ; trả cho chị Trương Thị Hồng N số tiền là 42.000.000đ; trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền là 48.000.000đ; trả cho chị Đặng Thị H số tiền là 202.000.000đ; trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền 52.000.000đ, trả cho chị Trương Kim T số tiền là 9.000.000đ; trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền là 105.000.000đ; trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền 66.000.000đ

Xét yêu cầu của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy rằng:

Về số lượng nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc N đã thừa nhận và xác định số tiền nợ đối với các nguyên đơn là vợ chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền là 231.000.000đ; vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T số tiền là 128.500.000đ; vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K số tiền là 119.000.000đ; chị Nguyễn Thị A số tiền là 48.000.000đ; chị Đặng Thị H số tiền là 202.000.000đ; chị Nguyễn Thị H1 số tiền 52.000.000đ; anh Nguyễn Thanh P số tiền là 105.000.000đ nên HĐXX ghi nhận về số tiền nợ hụi này.

Đối với số tiền nợ của chị Trương Thị Hồng N, chị N cho rằng là chị N chỉ tham gia 01 phần còn 02 phần còn lại là của mẹ và em gái chị N nhưng qua ý kiến trình bày của bà Nguyễn Ngọc Nung và chị Trương Thị Hồng D là mẹ và em gái của Nga xác định các phần hụi trong dây hụi này là của chị N chứ không của những người này. Do đó, có sở xác định các phần hụi trong dây hụi là của chị Trương Thị Hồng N tham gia. Về số tiền hụi, tại phiên tòa hôm nay, chị N xác định lại số tiền nợ hụi yêu cầu giải quyết là 42.000.000đ là có cơ sở xem xét chấp nhận, phù hợp với lời trình bày của chị N và chị N.

Đối với số tiền nợ của ông Nguyễn Phước H, chị N cho rằng về số lượng tiền 66.000.000đ là đúng nhưng người tham gia phần hụi này là ông Lâm Văn H chứ không phải là ông Nguyễn Phước H. Tuy nhiên, qua ý kiến của Hiền xác định phần hụi tham gia trong dây hụi này là của ông Nguyễn Phước Hồng chứ không phải của ông Lâm Văn H. Từ đó, có cơ sở xác định phần hụi này là của ông Hồng tham gia và các bên đã thống nhất xác định được số tiền nợ hụi nên HĐXX ghi nhận.

Đối với số tiền nợ của Trương Kim T, tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu giải quyết buộc trả số tiền nợ hụi là 9.000.000đ đúng như lời thừa nhận của chị Nguyễn

Ngọc N. Do đó, HĐXX ghi nhận ý kiến này của chị Trương Kim T để làm cơ sở xem xét.

Về trách nhiệm trả nợ:

Mặc dù, trong quá trình giải quyết vụ án vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng cùng với chị Nguyễn Ngọc N không thừa nhận vợ chồng ông D, bà Ng là người làm chủ các dây hụi mà nguyên đơn cầu và ông D, bà Ng không đồng ý trả số tiền nợ hụi này.

Tuy nhiên, qua các chứng thu thập có trong hồ sơ vụ gồm: Các biên bản xác minh nhiều người dân sinh sống tại ấp Kinh Năm, cũng như những người tham gia các dây hụi khác do ông D, bà Ng làm chủ thì họ đều xác định việc tổ chức tham gia hụi là vợ chồng ông D, bà Ng rủ và làm chủ hụi, chị Nguyễn Ngọc N chỉ phụ giúp cha mẹ gom tiền hụi chứ không phải là chủ hụi.

Ngoài ra, theo biên bản hòa giải ngày 20/8/2018 của Ban lãnh đạo ấp kinh Năm tiến hành hòa giải tranh chấp hụi giữa bà Trần Thị M và bà Dương Thị Ng thể hiện bà Dương Thị Ng là người làm chủ hụi và trực tiếp đứng ra giải quyết với bà Trần Thị M.

Trong khi đó, tại văn bản số 105/CV-CQCSĐT ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Cơ quan cảnh sát Điều tra – Công an huyện U Minh cũng xác định người làm chủ các dây hụi nêu trên là ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng còn chị Nguyễn Ngọc N chỉ phụ giúp cha mẹ gom tiền hụi chứ không phải chủ hụi.

Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N liên đới trả số tiền hụi cho các đồng nguyên đơn.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và người có liên quan chị Nguyễn Ngọc N phải liên đới chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 288, 351, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H; vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T; vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K; chị Trương Thị Hồng N; chị Nguyễn Thị A; chị Đặng Thị H; chị Nguyễn Thị H1; chị Trương Kim T; anh Nguyễn Thanh P; ông Nguyễn Phước H đối với vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N về việc tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi.

2. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N liên đới trả số tiền nợ hụi cho từng nguyên đơn cụ thể như sau:

2.1 Trả cho vợ chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H số tiền là 231.000.000đ (Hai trăm ba mươi một triệu đồng).

2.2 Trả cho vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T số tiền là 128.500.000đ (Một trăm hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

2.3 Trả cho vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K số tiền là 119.000.000đ (Một trăm mười chín triệu đồng).

2.4 Trả cho chị Trương Thị Hồng N số tiền là 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng).

2.5 Trả cho chị Nguyễn Thị A số tiền là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng).

2.6 Trả cho chị Đặng Thị H số tiền là 202.000.000đ (Hai trăm lẻ hai triệu đồng).

2.7 Trả cho chị Nguyễn Thị H1 số tiền là 52.000.000đ (Năm mươi hai triệu đồng).

2.8 Trả cho chị Trương Kim T số tiền là 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

2.9 Trả cho anh Nguyễn Thanh P số tiền là 105.000.000đ (Một trăm lẻ năm triệu đồng).

2.10 Trả cho ông Nguyễn Phước H số tiền là 66.000.000đ (Sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của các đồng nguyên đơn chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H; vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T; vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K; chị Trương Thị Hồng N; chị Nguyễn Thị A; chị Đặng Thị H; chị Nguyễn Thị H1; chị Trương Kim T; anh Nguyễn Thanh P; ông Nguyễn Phước H, nếu vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N không trả hoặc trả không đủ số tiền nợ thì vợ chồng ông Nguyễn Văn

D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N còn phải trả lãi cho các nguyên đơn theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn D, bà Dương Thị Ng và chị Nguyễn Ngọc N phải liên đới chịu án phí do yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn được Tòa án chấp nhận với số tiền là $1.002.500.000đ = [36.000.000đ + (202.500.000đ \times 3\% = 6.075.000đ)] = 42.075.000đ$ (Bốn mươi hai triệu không trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

- Vợ chồng ông Võ Văn S, bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.775.000đ (Năm triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002945 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Vợ chồng chị Trương Thị Hồng H, anh Nguyễn Vũ T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.212.000đ (Ba triệu hai trăm mười hai ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002953 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Vợ chồng ông Đặng Văn H, bà Lê Thị Minh K được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.975.000đ (Hai triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002940 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Trương Thị Hồng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002942 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Nguyễn Thị A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.200.000đ (Một triệu hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002955 ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Đặng Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.050.000đ (Năm triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002939 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Nguyễn Thị H1 được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000đ (Một triệu ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002943 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Chị Trương Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.345.000đ (Một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002950 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Anh Nguyễn Văn P được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.625.000đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002941 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Ông Nguyễn Phước H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0002946 ngày 03 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 25/01/2022). Đối với các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc tổng đạt hợp lệ Bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh